

tǔ





dà

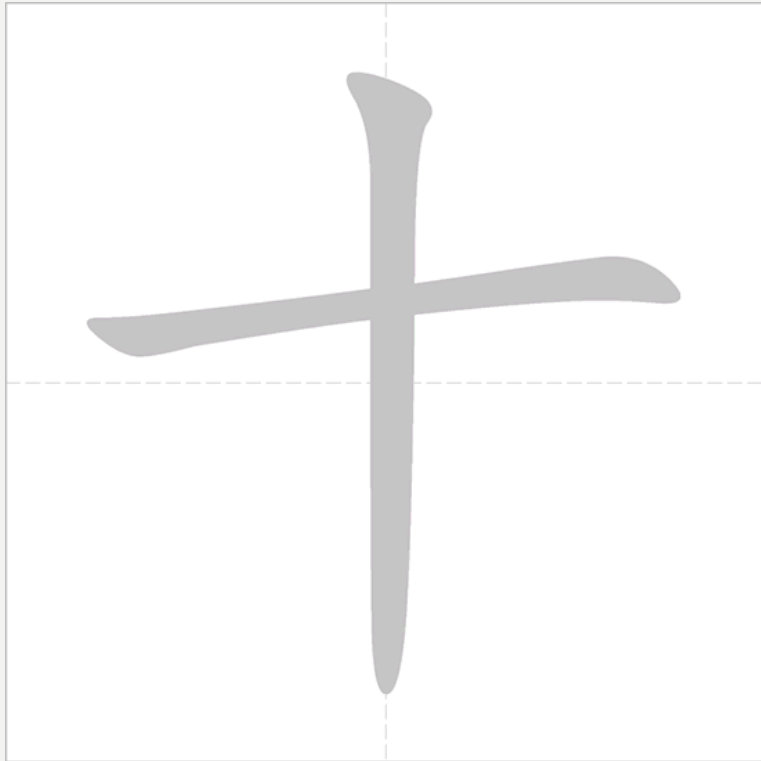


漢典

刀

dāo





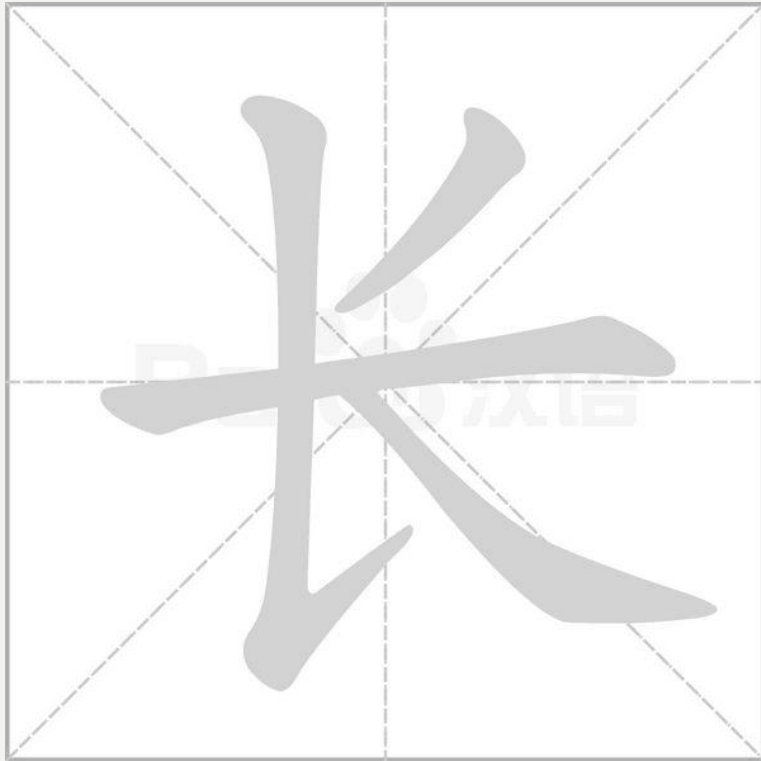
Shí





shì





cháng



漢典

王

wáng



漢典

工

gōng

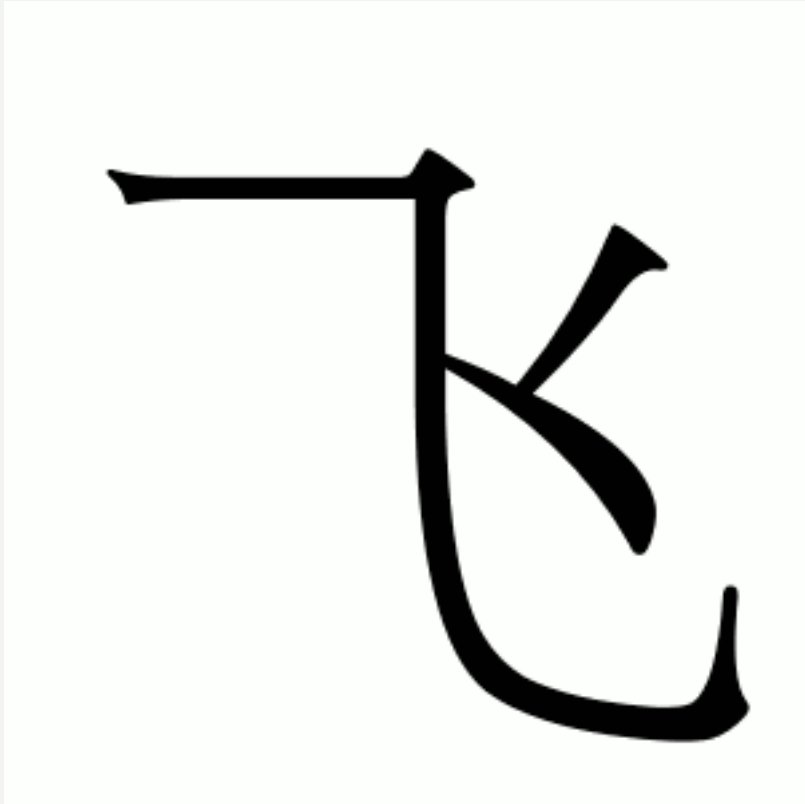




力

li





fēi



漢典

六

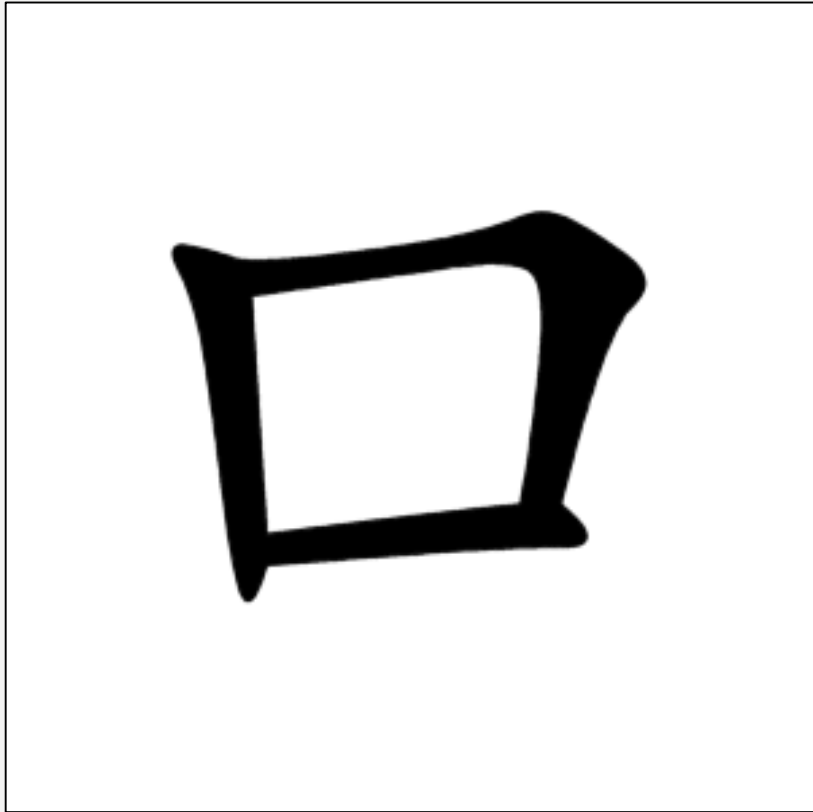
liù





xiǎo





Kōu





mǎ



你

nǐ



漢典

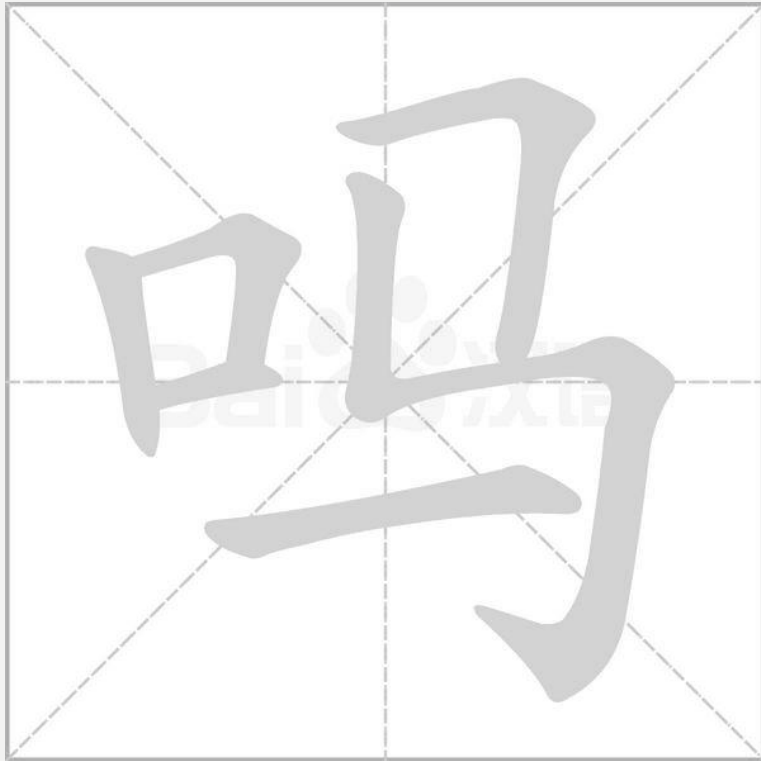
好

hǎo



ZDIC.NET





ma

Нулевой ТОН

